

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỦY NGUYÊN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 153/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16 - 8 - 2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN - THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Huân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hoàng Đức Hân

Bà Lương Thị Mai Dung

**- Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Bích Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên tham gia phiên toà:** Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 163/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2022 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị N; nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H; nơi cư trú: Thôn 4, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Chị Đỗ Thị N là nguyên đơn, khởi kiện với nội dung: Chị và anh Nguyễn Văn H quen biết, phát sinh tình cảm, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào ngày 23 tháng 12 năm 2013. Sau lễ cưới, chị về chung sống cùng anh H tại thôn 4, xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng tại nhà của bố mẹ đẻ anh H. Quá trình chung sống đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không có công việc và thu nhập ổn định, bản thân lại ham chơi, nợ nần dẫn đến kinh tế chung gia đình gặp nhiều khó khăn, vợ chồng xung đột nặng nề. Chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay, chị N vẫn giữ nguyên đề nghị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H. Trong thời gian chung sống, chị và anh H có hai con chung tên Nguyễn Thùy P, sinh ngày 18 tháng

3 năm 2014 và Nguyễn Thị N1, sinh ngày 10 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị và anh H tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị và anh H không có tài sản chung, không có vay nợ chung.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác, song đến ngày mở phiên tòa anh H vẫn không có văn bản trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, con chung và tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên đã tuân theo đúng quy định của pháp luật quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Đỗ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; đề nghị giao hai con chung tên Nguyễn Thùy P và Nguyễn Thị N1 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nguyên đơn nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về sự vắng mặt của đương sự**

Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

#### **[2] Về yêu cầu của chị Đỗ Thị N ly hôn với anh Nguyễn Văn H**

Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, thành phố Hải Phòng nên hôn nhân giữa chị N và anh H là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị N làm đơn đề nghị được ly hôn với anh H. Tài liệu xác minh tại địa phương và tại gia đình anh Nguyễn Văn H thể hiện vợ chồng chị N và anh H phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2021, do anh H không có việc làm ổn định, không chăm lo cho gia đình, nợ nần dẫn đến vợ chồng cãi vã lẫn nhau, chị N bỏ về nhà

bố mẹ đẻ ở, anh H cũng có tìm gọi nhưng chị N không về; vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành các lần hòa giải và mở phiên tòa, chị N đều giữ nguyên đề nghị được ly hôn anh H, anh H vắng mặt tại các buổi làm việc mà không có lý do.

Từ những căn cứ nêu trên cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H là có tồn tại và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N xin ly hôn anh Nguyễn Văn H.

**[3] Về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn và cấp dưỡng nuôi con**

Chị Đỗ Thị N và anh Nguyễn Văn H có hai con chung tên Nguyễn Thùy P sinh ngày 18 tháng 3 năm 2014 và Nguyễn Thị N1 sinh ngày 10 tháng 11 năm 2015. Khi ly hôn, chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con chung. Hội đồng xét xử nhận định: Từ khi vợ chồng ly thân, chị N là người trực tiếp nuôi dưỡng các con và các con có nguyện vọng được ở cùng chị N. Mặt khác, chị N là công nhân có thu nhập ổn định để thực hiện việc nuôi con và các con đều là con gái nên ở cùng mẹ sẽ thuận lợi hơn cho việc hướng dẫn phát triển tâm sinh lý sau này. Anh H không có quan điểm về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, căn cứ vào điều kiện thực tế của các đương sự và quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử giao cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung tên Nguyễn Thùy P và Nguyễn Thị N1 là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Nguyên đơn là chị N không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

**[4] Về tài sản chung,** chị Đỗ Thị N khai vợ chồng không có tài sản chung và không đề nghị Tòa án giải quyết. Mặt khác không có lời khai của anh H về tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

**[5] Về án phí,** chị Đỗ Thị N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Nguyễn Thùy P sinh ngày 18 tháng 3 năm 2014 và Nguyễn Thị N1 sinh ngày 10 tháng 11 năm 2015 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động, trừ

trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con sau khi ly hôn: Các đương sự tạm thời không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0007975 ngày 24/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Đỗ Thị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đỗ Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H. Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- UBND xã Hoàng Động, H. Thủy Nguyên;
- (Giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/12/2013)
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Huân**